TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH H DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2020.
V/v:"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG – TỈNH H DƯƠNG

- **Thành phần hội đồng xét xử gồm có**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Hằng

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông Nguyễn Quang Miên và ông Hoàng Hồng Hà.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Mạnh Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương.

- ***Đại diện VKSND huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà***: Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-4-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29-4-2020, giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1987.

ĐKHKTT: Thôn Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương.

Trú tại: Thôn Lôi Xá, xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương.

2 - Bị đơn: Anh Lê Duy K, sinh năm 1985.

HKTT và trú tại: Thôn Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương.

3 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Quang H, sinh năm 1982.

Trú tại: Số 22/3/168 Đồng Niên, phường Việt Hoà, thành phố H Dương, tỉnh H Dương.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt. Bị đơn vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Trần Thị Điểm, sinh năm 1964.

Trú tại: Thôn Lôi Xá, xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Chị Trần Thị C và anh Lê Duy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương ngày 25-5-2007. Sau khi kết hôn, chị C về chung sống cùng anh K và gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K không quan tâm đến gia đình, vợ con, thường đi chơi mấy ngày đêm, thậm chí mấy tuần mới về. Chị và gia đình hai bên đã khuyên can nhiều nhưng anh K không thay đổi. Khoảng năm 2014, anh K trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân thành phố H Dương xử phạt 18 tháng tù giam, cải tạo tại trại Hoàng Tiến. Sau khi ra tù, anh K không lo làm ăn nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục phát sinh. Chị C đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ cùng hai con từ tháng 11 năm 2016. Sau đó, chị được biết anh K có hành vi trộm cắp tài sản và bị công an huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang truy nã vào tháng 7 năm 2017. Thời gian trước, anh K có liên hệ với chị qua mạng xã hội. Chị có khuyên anh ra đầu thú nhưng anh không nói gì. Chị đặt vấn đề ly hôn anh, anh đồng ý viết đơn gửi về cho chị và gửi qua xe ô tô. Do đó, chị không biết hiện tại anh K đang ở đâu. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị sống ly thân nhau đã lâu. Chị đề nghị được ly hôn anh K.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Lê K L, sinh ngày 05-6-2009 và Lê Công V, sinh ngày 10-01-2012. Cả hai con chung đang ở cùng chị C. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con chung, chị không đề nghị anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị làm công nhân, thu nhập bình quân 6.000.000đ/tháng. Chị đang ở cùng mẹ đẻ chị. Mẹ đẻ chị tạo điều kiện cho ba mẹ con chị có chỗ ở ổn định, lâu dài và chăm sóc cháu giúp chị khi chị bận công việc.

Trong thời gian ly thân anh K, chị C có quen biết anh Bùi Quang H. Do xác định chị và anh K không thể hàn gắn, chị đã có quan hệ tình cảm với anh H. Chị không nói cho H biết chị chưa làm thủ tục ly hôn anh K. Khi chị có thai, chị mới nói cho anh H biết tình trạng hôn nhân của mình. Anh H đã chấm dứt quan hệ với chị từ cuối tháng 3 năm 2019 đến nay. Nếu chị sinh con, anh H chỉ có trách nhiệm với con. Chị sinh cháu Bùi PA ngày 05-12-2019. Chị C xác định cháu PA không phải là con chung của chị với anh K mà là con riêng của chị với anh H. Khi ly hôn anh K, chị đề nghị Tòa án xác định cháu PA là con riêng của chị. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết đối với cháu PA trong vụ án này.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Anh chị không có sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung, không có công sức chung, chị C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn – anh K không đến Toà án làm việc mặc dù đã được Toà án triệu tập nhiều lần.

Chị C xuất trình cho Tòa án một "Đơn đề nghị" không đề ngày tháng, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Chị C trình bày đơn này là của anh Lê Duy K viết và gửi về cho chị qua đường ô tô chuyển trực tiếp. Do đó, chị không biết anh K gửi từ đâu về nhưng chị xác định đúng là chữ viết của anh K. Nội dung đơn đề nghị: Anh Lê Duy K đồng ý ly hôn chị C, giao hai con chung cho chị C trực tiếp nuôi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C. Anh K xác định chị

C có sinh cháu bé là Bùi PA. Cháu Anh không phải là con chung của anh K và chị C. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về tài sản chung: Anh K không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại địa phương: Anh Lê Duy K hiện không có mặt tại địa phương và đang bị Công an huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang truy nã về hành vi trộm cắp tài sản từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Trước khi bị truy nã, anh K và chị C cùng hai con sống cùng nhà với mẹ đẻ của anh K là bà Chu Thị Ư Quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn nên chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ cùng hai con. Sau đó, nghĩ đến các con, chị C lại quay về chung sống cùng anh K. Anh K phải đi cải tạo lao động một thời gian về tội trộm cắp tài sản và mới được về gia đình. Sau đó, anh K tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản và bị truy nã. Còn chị C đi đâu thì địa phương không nắm được. Anh K và chị C có hai con chung hiện ở cùng ai địa phương không biết.

Công an xã Cao An cung cấp: Anh Lê Duy K có hộ khẩu ở thôn Trung Nghĩa, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương. Căn cứ sổ đăng ký thường trú lưu tại Công an xã Cao An thì anh K đứng tên chủ hộ gia đình cùng vợ là chị Trần Thị C, hai con là Lê K L và Lê Công V. Anh Lê Duy K bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định truy nã số 02 ngày 20-7-2017 với tội danh bị khởi tố là Trộm cắp tài sản. Nơi cư trú cuối cùng trước khi anh K trốn là thôn Trung Nghĩa (nay là thôn Đỗ Trung), xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương. Ngày trốn là 23-6-2017.

Kết luận giám định ADN của Viện pháp y quân đội - Cục quân y: Anh Bùi Quang H là cha đẻ của cháu Bùi PA.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Bùi Quang H khai: Anh và chị C có quan hệ nam nữ với nhau trong thời gian từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2019. Khi đó, chị C nói với anh H là chị đã ly hôn với chồng. Anh H có tìm hiểu thì được biết chị C đang sống cùng hai con tại nhà mẹ đẻ ở thôn Lôi Xá, xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng. Anh tin tưởng chị C nên đặt vấn đề tình cảm lâu dài. Một thời gian sau, chị C có thai, anh đề nghị kết hôn thì chị C mới nói thật là chị C chưa làm thủ tục ly hôn anh K vì anh K đang bị truy nã. Anh H đã chấm dứt quan hệ với chị C vào cuối tháng 3 năm 2019 đến nay. Nếu chị C sinh cháu bé, anh có trách nhiệm với cháu. Ngày 05-12-2019, chị C sinh cháu Bùi PA. Hiện cháu chưa làm được giấy khai sinh. Chị C đã làm đơn xin ly hôn anh K và có yêu cầu giám định ADN. Kết luận giám định: anh H là cha đẻ của cháu PA. Vì vậy, anh H đề nghị Tòa án xác định cháu PA không phải là con chung của chị C và anh K. Anh không có yêu cầu đề nghị gì trong vụ án này. Giữa anh và chị C sẽ thỏa thuận với nhau về trách nhiệm với cháu PA trong vụ án khác.

Người làm chứng - bà Trần Thị Đ khai: Bà Đ là mẹ đẻ của chị C. Chị C và anh K kết hôn năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau ở xã Cao An. Bà thấy hàng xóm nhà anh K nói chuyện là vợ chồng hai cháu rất hay mâu thuẫn. Anh K thường xuyên chửi bới và đánh chị C. Thậm chí anh K còn nói với bà là đã bỏ chị C từ lâu rồi mà chị C không bỏ anh K. Thỉnh thoảng chị C mang quần áo về nhà bà ở, gia đình anh K sang nói chuyện thì chị C lại về. Khoảng năm 2014-2015, anh K phạm tội trộm cắp tài sản và phải đi cải tạo tại trại Hoàng Tiến. Sau khi ra tù, anh K sang nhà bà một lần duy nhất, từ đó đến nay, bà không gặp lại anh K nữa. Cuối năm 2016, ba mẹ con chị C về nhà bà ở. Đến năm 2017, chị C nói anh K lại trộm cắp tài sản và bị truy nã thì bà mới biết. Anh K và chị C có

hai con chung. Gia đình bà hỗ trợ chị C thêm về kinh tế và tạo điều kiện về chỗ ở để mẹ con ổn định cuộc sống. Đầu năm 2019, chị C có thai và sinh cháu Bùi PA. Hiện nay cả bốn mẹ con chị C đều ở cùng gia đình bà.

Hai con chung của chị C và anh K đều có nguyện vọng được ở với chị C.

Tòa án không lấy được lời khai của người thân trong gia đình anh K.; không tiến hành hòa giải vụ án được do anh K vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị C giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh K. Đề nghị được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị vì thực tế anh K đang bỏ trốn và bị Công an truy nã nên không thể cấp dưỡng nuôi con được.

Chị C đề nghị Tòa án xác định cháu Bùi PA sinh ngày 05-12-2019 là con riêng của chị. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu PA và không có yêu cầu đề nghị gì khác trong vụ án này. Chị C tự nguyện chịu cả số tiền chi phí xét nghiệm ADN mà chị đã nộp.

Anh H thừa nhận có quan hệ tình cảm với chị C trong khoảng từ tháng 1 đến cuối tháng 3 năm 2019 do anh không biết chị C chưa ly hôn anh K. Anh chị không chung sống cùng nhau mà mỗi người ở một nơi. Anh và chị C không còn quan hệ gì kể từ cuối tháng 3 năm 2019 đến nay. Anh đề nghị Tòa án công nhận cháu PA là con riêng của chị C. Ngoài ra anh không có yêu cầu đề nghị gì khác trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Trần Thị C ly hôn anh Lê Duy K. Về con chung: Giao cháu Lê K L, sinh ngày 05-6-2009 và Lê Công V, sinh ngày 10-01-2012 cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên; Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được tranh tụng tại phiên tòa, bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:*** Anh Lê Duy K đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án; Đã được tống đạt văn bản để đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ

hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Anh K không đến Toà án làm việc, không tham gia phiên toà tức là anh đã tự từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của anh khi tham gia tố tụng.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Trần Thị C và anh Lê Duy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương ngày 25-5-2007 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị C về chung sống cùng anh K và gia đình nhà chồng tại thôn Trung Nghĩa nay là thôn Đỗ Trung, xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương. Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị và gia đình hai bên đã khuyên can nhiều nhưng anh K không thay đổi. Khoảng năm 2014, anh K trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân thành phố H Dương xử phạt 18 tháng tù giam, cải tạo tại trại Hoàng Tiến. Sau khi ra tù, anh K không lo làm ăn nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục phát sinh. Chị C đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ cùng hai con từ tháng 11 năm 2016. Sau đó, chị được biết anh K có hành vi trộm cắp tài sản và bị công an huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang truy nã. Lời khai của chị C phù hợp với lời khai của người làm chứng và cung cấp của địa phương nơi anh chị cư trú trước đây cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn giữa chị C và anh K là có thật. Anh K đã từng pH đi cải tạo về tội Trộm cắp tài sản, mới về địa phương chưa được bao lâu lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản và bị Công an huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang truy nã. Thời gian anh K bỏ trốn tính từ ngày 23-6-2017 đến nay đã gần ba năm. Như vậy, đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, anh chị sống ly thân nhau đã lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị C được ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. ***Về con chung:*** Anh chị có hai con chung là Lê K L, sinh ngày 05-6-2009 và Lê Công V, sinh ngày 10-01-2012. Cả hai con chung đang ở cùng chị C. Chị C có chỗ ở, có công việc và thu nhập ổn định. Gia đình chị C tạo điều kiện và chăm sóc con giúp chị khi chị bận công việc. Anh K hiện đang bỏ trốn và bị truy nã nên không có khả năng nuôi con. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị C. Giao cả hai con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không đề nghị anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4] Trong thời gian ly thân anh K, chị C có quen biết và có quan hệ tình cảm với anh Bùi Quang H. Chị không nói cho H biết chị chưa làm thủ tục ly hôn K. Khi chị có thai, chị mới nói cho anh H biết tình trạng hôn nhân của mình. Do đó, anh chị đã chấm dứt quan hệ với nhau từ cuối tháng 3 năm 2019 đến nay. Chị C sinh cháu Bùi PA ngày 05-12-2019. Chị C xác định cháu PA không phải là con chung của chị với anh K mà là con của chị với anh H. Lời khai của anh H và chị C phù hợp với kết quả giám định ADN của Viện pháp y quân đội - Cục quân y về việc anh H là cha đẻ của cháu PA. HĐXX thấy có đủ căn cứ xác định cháu PA, sinh ngày 05-12-2019 không phải là con chung của chị C và anh K mà là con riêng của chị C. Giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu PA.

[5]. ***Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung, công sức chung:*** Chị C không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6].*Về chi phí tố tụng:* Chị C tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xét nghiệm ADN mà chị đã nộp nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của chị C.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C ly hôn anh Lê Duy K.

2. Về con chung: Khi ly hôn, giao hai con chung Lê K L, sinh ngày 05-6-2009 và Lê Công V, sinh ngày 10-01-2012 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung thành niên.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị C, không đề nghị anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh Lê Duy K được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. Xác định: Cháu Bùi PA, sinh ngày 05-12-2019 không phải là con chung của chị C và anh K mà là con riêng của chị Trần Thị C. Giao cháu Bùi PA cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

4. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị C về việc chị C chịu toàn bộ chi phí giám định ADN mà chị đã nộp.

5. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007695 ngày 02-01-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh H Dương. Chị C đã thi hành xong tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục thi hành án huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Cao An;
- Các đương sự;
- Lưu VP TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hồng Hà ***Nguyễn Quang Miên*** ***Phạm Thuý Hằng***

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI D- ƠNG** **TỈNH HẢI D- ƠNG** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------** *TP Hải D□ơng, ngày 30 tháng 12 năm 2016*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI D- ƠNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thúy Hằng.**

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan và ông **Lê Văn C-**

Vào hồi …. giờ ….. phút ngày 30 tháng 12 năm 2016, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình, giữa nguyên đơn chị Lê Thị Th- ơng và bị đơn anh Cao Duy H- ng**.**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đ- ơng sự, đại diện viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử thảo luận và thống nhất 100%, biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 8 Điều 27 - Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thương và anh Cao Duy Hưng.

2. Về quan hệ con chung: Khi ly hôn, giao cháu Cao Thị Tố Như, sinh ngày 15/9/2011 cho anh Cao Duy Hưng; giao cháu Cao Nguyên Phúc, sinh ngày 04/01/2014 cho chị Lê Thị Thương trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 01 năm 2017 đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Chị Thương, anh Hưng không pH cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và đều được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để gây cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thương pH chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị Thương đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/006380 ngày 06/10/2016 của Chi cục thi

hành án dân sự TP H Dương, tỉnh H Dương, chị Thương đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Biên bản lập xong vào hồi …. giờ …. phút cùng ngày. Các thành viên hội đồng xét xử cùng đọc lại nhất trí ký tên.

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà.**

Phạm Thúy Hằng